

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2023
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Hùng, bà Hoàng Thảo Yên

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Vân Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà:
Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989; có mặt

HKTT: Căn 12, tầng 3, chung cư G, đường V, phường K, thành phố B, tỉnh B

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989; vắng mặt

HKTT: Khu 4, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn A có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố B, tỉnh B vào ngày 01/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng nhau tại địa chỉ ngõ 305, khu 4, phường C, thành phố B, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị T sinh con

đầu lòng, hai vợ chồng thường xảy ra bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống không được hạnh phúc. Từ tháng 9/2019, chị T sống ở nhà bố mẹ đẻ. Hai vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2021 tới nay. Hiện chị T đã chuyển ra ngoài sống cùng con gái tại căn hộ số 312, chung cư G, phường Vũ Ninh, thành phố B, tỉnh B. Nay xét thấy hai vợ chồng đã không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh M, sinh ngày 28/7/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu M và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị T đang làm việc tại trường mầm non H, thu nhập mỗi tháng khoảng 3.900.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh và chị Vũ Thị T có thời gian tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố B, tỉnh B vào ngày 01/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau tại ngõ 305, khu 4, phường C, thành phố B, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện bên nhà anh không có người chăm sóc trẻ nhỏ, chị T phải đưa con về ở với bố mẹ đẻ dẫn tới hai vợ chồng không ở gần nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định mình vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh M, sinh ngày 28/7/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Anh A có nguyện vọng xin được nuôi cháu M và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh M cho chị T nuôi dưỡng. Anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa hai đương sự là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, hiện chưa có thay đổi gì khác. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh A vẫn sinh sống tại thành phố Bắc Ninh, có mặt tham gia lấy lời khai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chứng cứ là bảng lương trong 03 tháng: Tháng 11, tháng 12/2022, tháng 01/2023 tại phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên cần được xem xét giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa, không đưa ra yêu cầu phản tố hay chứng cứ nào nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A ngày 01/11/2015. Trước khi kết hôn, chị T, anh A đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Kể từ thời điểm năm 2019, chị T và anh A bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T chuyển về sống cùng bố mẹ để tiện chăm sóc con nhỏ, hai vợ chồng sống xa nhau, từ đó dần dần tới bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận. Từ tháng 6/2021, hai vợ chồng anh chị chính thức sống ly thân. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh A vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh A không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh A là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh M, sinh ngày 28/7/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Tại phiên tòa, chị T xin được nuôi con chung và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Trong các lời khai tại Tòa án, anh A có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy cháu M còn nhỏ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ và hiện tại cũng đang sinh sống cùng mẹ; bản thân chị T có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con cái, do vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu cũng như ổn định về cuộc sống, sinh hoạt cũng như việc học tập của cháu thì cần giao cháu M cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, cũng như có thể đảm bảo về quyền, lợi ích và sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, chị T đồng ý. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh M, sinh ngày 28/7/2019 cho chị Vũ Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2023 đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Tuấn Anh phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001565 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Anh A còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Như Hùng

Hoàng Thảo Yên

Phạm Vũ Minh Trang